

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 06 tháng 12 năm 2016

Số: 5906/QĐ - ĐHTV

QUYẾT ĐỊNH

**V/v tặng giấy khen và học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên
Khoa Nông nghiệp Thủy sản, Học kỳ II - năm học 2015-2016**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-ĐHTV ngày 25 tháng 01 năm 2013 về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Trà Vinh giai đoạn 2013-2015, định mức chi học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên Trường Đại học Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-ĐHTV ngày 13 tháng 8 năm 2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh về việc ban hành Quy định xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên hệ đào tạo chính quy tại Trường Đại học Trà Vinh;

Xét đề nghị của Trưởng Khoa Nông nghiệp – Thủy sản, Trưởng Phòng Công tác Sinh viên – học sinh, Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng giấy khen và học bổng khuyến khích học tập cho **93** học sinh, sinh viên các lớp Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp thuộc Khoa Nông nghiệp-Thủy sản (*Danh sách đính kèm*). Với tổng số tiền học bổng là: **208.679.000 đ** (*Hai trăm lẻ tám triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn đồng*).

Điều 2. Trưởng phòng Kế hoạch-Tài vụ, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí, Trưởng phòng Công tác Sinh viên - học sinh, Trưởng phòng Thanh tra- Pháp chế, Trưởng các Phòng, Khoa liên quan và học sinh, sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, CTSV-HS, NN-TS.



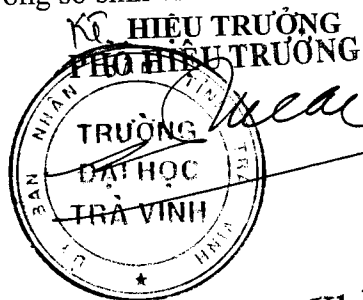
Võ Hoàng Khải

DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016
BẠC TRUNG CẤP

BẠC TRUNG CẤP											
TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÀI KHOẢN	SỐ CMND	ĐIỂM		XẾP LOẠI	Phan trăm (%) mức HB được hưởng	Mức học phí hiện hành	Thành tiền	GHI CHÚ
					TBHK	RL					
KHÓA 2014										10.478.000	
I	TC CHĂN NUÔI THÚ Y 2014 (TH14TY)									5.070.000	3suất/41 SV
1	310314011	Trần Thị Bích Ngọc	0108593741	334845084	8.7	70	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
2	311314052	Diệp Thanh Tâm	0109598041	334793693	8.0	75	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
3	311314061	Nguyễn Văn Tỷ	0109598049	334895262	8.1	77	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
II	TC TRỒNG TRỌT 2014 (TH14TTR)									1.690.000	1suất/13 HS
1	311514001	Hồng Thị Kim Dây	0107913518	334819788	8.1	73	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
III	TC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 2014 (TH14TS)									1.859.000	1suất/12 HS
1	310314003	Lê Thị Diễm Kiều	0109730955	334878023	9.0	81	Giỏi	110	1.690.000	1.859.000	
IV	TC CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM 2014 (TH14CNTP)									1.859.000	1suất/11 HS
1	316214026	Từ Ngọc Tính	0106790724	334842976	8.0	80	Giỏi	110	1.690.000	1.859.000	
KHÓA 2015										11999000	
V	TC CHĂN NUÔI THÚ Y 2015 (TH15TYA)									5.239.000	3suất/42 SV
1	311315099	Mai Minh Thông	0110101392	334781148	8.2	80	Giỏi	110	1.690.000	1.859.000	
2	311315015	Lê Văn Phú Em	0110101374	334633315	8.0	79	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
3	311315121	Liêu Quang Trung	0107965145	334800602	8.1	73	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
VI	TC CHĂN NUÔI THÚ Y 2015 (TH15TYB)									5.070.000	03 suất/42 SV
1	311315013	Thạch Di	0110101200	334943522	7.4	85	Khá	100	1.690.000	1.690.000	

2	311315047	Nguyễn Thanh Long	0110101208	334722779	7.3	75	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
3	311315090	Nguyễn Quốc Toàn	0110101226	334883753	7.4	73	Khá	100	1.690.000	1.690.000	
VII	TC NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 2015 (TH15TS)									1.690.000	
1	310315001	Nguyễn Thiện An	0110277170	334952246	7.1	74	Khá	100	1.690.000	1.690.000	01 suất/12 SV
TỔNG CỘNG :										22.477.000	
Bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn đồng											

Tổng số sinh viên danh sách trên là: 13 sinh viên



Võ Hoàng Khải

PHÒNG KH-TV PHÒNG CT SV-HS

Ngô Lê Phe
Trần Thị Lúe

KHOA NÔNG NGHIỆP-THỦY SẢN
TRƯỜNG KHOA LẬP BẢNG

Lâm Thái Hùng
Nguyễn Văn Thơ

DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015-2016
BẠC CAO ĐẲNG

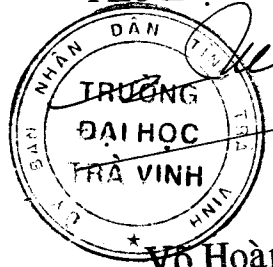
TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÀI KHOẢN	SỐ CMND	ĐIỂM		XẾP LOẠI	Phân trăm (%) mức HB được hưởng	Mức học phí hiện hành	Thành tiền	GHI CHÚ
					TBHK	RL					
KHÓA 2013										14.561.600	
I	CĐ CN CHẾ BIẾN THỦY SẢN 2013 (CA13CB)								3.832.000	2suất/23 SV	
1	211412012	Kiên Thế Ngọc	0107995334	334838582	3.14	76	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
2	211412006	Lê Thái Sur	0106776450	334659041	3.00	95	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
II	CĐ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN 2013 (CA13PT)								2.107.600	1suất/18 SV	
1	210213042	Diệp Minh Hiếu	0109599159	334904229	4.00	81	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	
III	CĐ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN 2013 (CA13TS)								1.916.000	01 suất/12 SV	
1	210313034	Nguyễn Ngân Giang	0108595240	334866247	2.67	81	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
IV	CAO ĐẲNG THỦ Y 2013 (CA13TY)								6.706.000	3suất/32 SV	
1	211313048	Trần Thị Thu Hương	0108594069	334894979	4.00	95	Xuất sắc	120	1.916.000	2.299.200	
2	211313026	Đào Anh Dẫn	0108594062	381760807	4.00	94	Xuất sắc	120	1.916.000	2.299.200	
3	211313040	Hà Quốc Khanh	0108594064	334780205	3.80	86	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	
KHÓA 2014										18.010.400	
V	CAO ĐẲNG THỦ Y (CA14TY)								8.238.800	4suất/46 SV	
1	211314099	Hoàng Thị Kiều Trang	0109575871	362380284	3.44	86	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	
2	211314018	Lý Thị Thùy Dương	0109575839	334928691	3.30	75	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
3	211314038	Đặng Thị Nhật Linh	0109575845	352326597	3.30	80	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	
4	211314087	Lê Thị Mộng Thu	0106790938	334801547	3.30	81	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	
VI	CAO ĐẲNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (CA14PT)								0	Không có SV đạt	
VII	CAO ĐẲNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (CA14TS)								2.107.600	1 suất/12 SV	
1	210314050	Nguyễn Văn Thi	0109576864	334799801	3.36	86	Giỏi	110	1.916.000	2.107.600	

VIII	CAO ĐẲNG CHẾ BIẾN THỦY SẢN A (CA14CBA)									1.916.000	01 suất/12 SV
1	211414026	Nguyễn Thị Huỳnh Như	0109727031	334865077	2.67	80	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
IX	CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CA14CNTP)									5.748.000	3 suất/35 SV
1	216214048	Nguyễn Thị Linh	0109678812	334830015	2.89	78	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
2	216214091	Nguyễn Thị Kiều Tiên	0109678828	334832668	2.79	77	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
3	216214089	Lâm Thị Thu Thủy	0109678826	334901898	2.74	73	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
KHÓA 2015										3.832.000	
X	CAO ĐẲNG PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (CA15PT)									0	Không có SV đạt
XI	CAO ĐẲNG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN (CA15TS)									0	Không có SV đạt
XII	CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (CA15CNTP)									0	Không có SV đạt
XIII	CAO ĐẲNG THỦ Y (CA15TY)									3.832.000	02 suất/31 SV
1	213215014	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	0110086959	334905671	2.71	84	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
2	213215024	Từ Phúc Thịnh	0110086956	331829535	2.86	82	Khá	100	1.916.000	1.916.000	
TỔNG CỘNG:										36.404.000	

Bảng chữ: Ba mươi sáu triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng

Tổng số sinh viên danh sách trên là: 18 sinh viên

KI HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Võ Hoàng Khải

P. PHÒNG KH-TV

Võ Hồ Phe

P. PHÒNG CTSV-HS

Trần Thị Lúe

KHOA NÔNG NGHIỆP-THỦY SẢN
TRƯỞNG KHOA LẬP BẢNG

Lâm Thái Hùng

Nguyễn Văn Thơ

Trà Vinh, ngày 01 tháng 12 năm 2016

DANH SÁCH NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP
HỌC KỲ II- NĂM HỌC 2015-2016
BẠC ĐẠI HỌC

TT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÀI KHOẢN	SỐ CMND	ĐIỂM		XẾP LOẠI	Phần trăm (%) mức HB được hưởng	Mức học phí hiện hành	Thành tiền	GHI CHÚ
					TBHK	RL					
KHÓA 2012										2.662.000	
I	ĐH THỦ Y (DA12TY)									2.662.000	1suất/07 SV
1	111312001	Nguyễn Minh Luận	0109046247	334750246	3.38	87	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
KHÓA 2013										40.172.000	
II	ĐH THỦ Y (DA13TY)									12.100.000	5suất/65 SV
1	111313001	Nguyễn Văn Trường An	0108589741	334899380	3.29	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	111313062	Thái Gia Bảo	0108589769	334865751	3.21	72	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	111313043	Cao Trần Ngọc Hân	0108589763	321487572	3.27	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	111313034	Nguyễn Hoàng Quý	0108589758	334857641	3.09	87	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
5	111313111	Phạm Ngọc Quyên	0109131381	371684289	3.09	83	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
III	ĐH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN (DA13PT)									5.324.000	2suất/27 SV
1	114713009	Võ Thị Ngọc Hân	0109045127	334794378	3.41	89	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
2	114713055	Huỳnh Thị Thủy Tiên	0108517917	331726971	3.41	90	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
IV	ĐH KHOA HỌC CANH TÁC CÂY TRỒNG (DA13KCT)									5.808.000	2suất/31 SV
1	114711042	Trịnh Minh Khoa	0107131737	352080200	3.74	96	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	
2	114713108	Trần Thị Thảo Đăng	0108517881	334813239	3.76	92	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	
V	ĐH THỦY SẢN (DA13TS)									5.808.000	2suất/25 SV
1	110313013	Thái Trung Tính	0108517659	334865582	3.86	92	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	
2	110313017	Võ Thị Yến Nhi	0108517649	334784000	3.82	93	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	

VI	ĐH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM (DA13CNTP)									11.132.000	4suất/44 SV
1	116213028	Trần Quốc Toàn	0108471316	334827093	3.71	94	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	
2	116213084	Trần Thị Mỹ Tăng	0109341468	334896567	3.64	90	Xuất sắc	120	2.420.000	2.904.000	
3	116213105	Nguyễn Ngọc Hân	0108518469	334865048	3.43	81	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
4	116213079	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	0108518519	334894952	3.36	85	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
KHÓA 2014										47.432.000	
VII	ĐẠI HỌC THỦ Y A (DA14TY)									9.680.000	4suất/56 SV
1	111314085	Nguyễn Thị Thanh Lan	0109635606	334906186	3.24	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	111314020	Nguyễn Tấn Thành	0109635619	331728411	3.18	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	111314058	Phạm Hoài Đông	0109623264	321539193	3.12	92	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	111314014	Lê Chí Nguyễn	0109635616	334820275	3.14	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
VIII	ĐẠI HỌC THỦ Y B (DA14TYB)									9.680.000	4suất/52 SV
1	111314181	Huỳnh Huyền Trâm	0109591769	334924515	3.19	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	111314111	Lý Thị Thiên Nhi	0109591834	334853742	3.18	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	111314098	Lê Hồng Ngân	0109591829	331825436	3.29	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	111314133	Nguyễn Thị Kiều Phương	0109591843	331808537	3.15	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
IX	ĐẠI HỌC KHOA HỌC CÂY TRỒNG (DA14KCT)									7.502.000	3 suất/38 SV
1	114714010	Lê Thị Trúc Ly	0109733796	334891331	3.19	83	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	114714088	Đặng Thanh Trâm	0109733816	331800617	3.37	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	114714063	Phan Thị Yến Nhi	0109733806	331821239	3.43	80	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
X	ĐẠI HỌC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (DA14PT)									2.420.000	01 suất/08 SV
1	114714034	Phan Thị Ngọc Duyên	0109733763	334925073	3.22	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
XI	ĐẠI HỌC THỦY SẢN (DA14TS)									5.324.000	2suất/20 SV
1	110314033	Nguyễn Hoàng Luân	0109591042	334830207	3.78	84	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
2	110314025	Dư Minh Hiệp	0109591037	334830085	3.30	84	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	

XII	ĐẠI HỌC CNTP A (DA14CNTP)									5.324.000	2suất/28 SV
1	116214036	Hồ Thị Diễm Sương	0109563913	334904325	3.58	88	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
2	116214010	Dương Thị Diễm Hương	0108834477	371828049	3.58	85	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
XIII	ĐẠI HỌC CNTP B (DA14CNTPB)									7.502.000	3suất/35 SV
1	116214119	Ngô Liễu Ngọc	0109727886	331761807	3.36	86	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
2	116214137	Đào Thị Thế Phương	0109727891	334901086	3.14	81	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	116214142	Mai Thị Linh Phương	0109727892	371719546	3.07	72	Khá	100	2.420.000	1.210.000	02SV/01 suất
4	116214149	Lê Hoàng Phương Thảo	0109727896	334820252	3.07	72				1.210.000	
KHÓA 2015										59.532.000	
XIV	ĐẠI HỌC CNTP (DA15CNTP)									12.342.000	5suất/59SV
1	116215030	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	0110073843	334905415	3.13	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	116215015	Nguyễn Hồng Hào Hiệp	0110073830	334874273	3.08	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	116215016	Đặng Trần Mỹ Hoa	0110073831	334932053	3.44	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	116215007	Trần Thị Kỳ Duyên	0110073828	331829822	3.00	84	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
5	116215052	Nguyễn Thị Hồng Thảo	0110074796	334891650	3.38	93	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
XV	ĐẠI HỌC NÔNG NGHIỆP (DA15NN)									12.100.000	5suất/59 SV
1	114715091	Cao Thị Như	0110079360	334905423	2.79	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	114715023	Trần Thị Thu Thảo	0110079371	366074841	3.00	81	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	114715027	Lê Thị Phi Yến	0110079384	331832502	2.79	79	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	114715094	Tô Minh Quốc	0110079364	334905180	3.00	74	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
5	114715099	Nguyễn Thị Mộng Thu	0110079372	334915240	2.79	74	Khá	100	2.420.000	806.667	03SV/01 suất
6	114715100	Võ Thanh Thúy	0110079373	334954719	2.79	74				806.667	
7	114715103	Lưu Thị ánh Uyên	0110079381	334905653	2.79	74				806.666	
XVI	ĐẠI HỌC THỦY SẢN (DA15TS)									7.744.000	3suất/40 SV
1	110315014	Nguyễn Thị Tô Quyên	0110073784	334843594	3.47	86	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	

2	110315011	Đặng Thị Thảo Nguyên	0110073779	334921157	3.16	80	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	110315018	Nguyễn Hoàng Thiện	0110073791	334872079	3.53	91	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
XVII	ĐẠI HỌC THỦ Y A (DA15TYA)									12.826.000	5suất/68 SV
1	111315032	Lê Minh Hoài	0110086132	334953602	3.54	85	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
2	111315088	Khuru Tiến Phong	0110086161	334902027	3.69	80	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
3	111315114	Kim Thị Ngọc Thi	0110086166	334851603	2.94	80	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	111315058	Đỗ Thị Kim Miêu	0110086149	334943303	3.00	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
5	111315108	Nguyễn Cẩm Tú	0110086595	331835327	3.25	80	Giỏi	110	2.420.000	2.662.000	
XVIII	ĐẠI HỌC THỦ Y B (DA15TYB)									14.520.000	6suất/70 SV
1	111315046	Nguyễn Tuấn Khởi	0110083449	312340440	3.33	77	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
2	111315017	Triệu Thị Cẩm Duyên	0110083439	334905806	3.00	76	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
3	111315103	Từ Thị Thủy Tiên	0110083796	334904009	3.06	75	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
4	111315133	Trương Thị Cẩm Vân	0110083807	334896617	3.06	73	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
5	111315003	Nguyễn Thị Mỹ An	0110083432	321561935	3.33	73	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
6	111315075	Nguyễn Thị Yến Ngọc	0110083460	321750820	3.00	73	Khá	100	2.420.000	2.420.000	
TỔNG CỘNG:										149.798.000	

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng

Tổng số sinh viên danh sách trên là: 62 sinh viên

K. HIỆU TRƯỞNG
PH. PHÒNG KHTV
PH. PHÒNG CT SV-HS
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH
Võ Hoàng Khải
Ngô Tô Phe
Trần Thị Lúe

KHOA NÔNG NGHIỆP-THỦY SẢN
TRƯỜNG KHOA
LẬP BẢNG
Nguyễn Văn Thor
Lâm Chải Hùng